

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **28** /2018/QĐ-UBND

Hải Dương, ngày **08** tháng 11 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng  
trên địa bàn tỉnh Hải Dương**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

SỞ TƯ PHÁP TỈNH HẢI DƯƠNG

ĐẾN Số: **10.28**  
Ngày: **9/11/2018**

Chuyển: .....

Lưu hồ sơ số: .....

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 11 năm 2018 và thay thế Quyết định số 19/2015/QĐ-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở; Thủ trưởng các ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *axh*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Trưởng Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể tỉnh;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Trung tâm CNTT, VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC.Th(150b) *2*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Dương Thái**

**QUY ĐỊNH**

**Về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hải Dương**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 28 /2018/QĐ-UBND*

*ngày 08 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy định này quy định việc thực hiện công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh, bao gồm: Đối tượng thi đua, nội dung, phương pháp tổ chức thi đua; đối tượng thi đua, khen thưởng; danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; hồ sơ thủ tục khen thưởng, thẩm quyền quyết định khen thưởng, quyền và nghĩa vụ của tập thể, gia đình và cá nhân tham gia phong trào thi đua và công tác khen thưởng; Hội đồng Thi đua, Khen thưởng; Hội đồng Khoa học; Hội đồng sáng kiến; Quỹ thi đua, khen thưởng.

2. Quy định này không quy định việc: Khen thưởng làng, khu dân cư văn hóa, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp văn hóa, gia đình văn hóa; khen thưởng doanh nghiệp tiêu biểu, doanh nhân giỏi; xét tặng giải thưởng khoa học và công nghệ Côn Sơn; Giải Báo chí Nguyễn Lương Bằng; giải Văn học nghệ thuật Côn Sơn; khen thưởng Làng an toàn, Khu dân cư an toàn, cơ quan, doanh nghiệp an toàn về an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh.

3. Các nội dung đã quy định trong Luật thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn của Trung ương thì không quy định trong Quy định này.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy định này áp dụng đối với tập thể, cá nhân trong các cơ quan nhà nước; các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, nghề nghiệp; tổ chức kinh tế thuộc các thành phần kinh tế, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, gia đình, các tập thể, cá nhân đang làm việc, sinh sống trong, ngoài tỉnh; người Việt Nam sinh sống ở nước ngoài, người nước ngoài và tổ chức nước ngoài tham gia phong trào thi đua, có đóng góp quan trọng cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hải Dương.

**Điều 3. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng**

1. Nguyên tắc thi đua

a) Tự nguyện, tự giác, đoàn kết hợp tác cùng phát triển. Các tập thể, cá nhân được quy định tại Điều 2 của Quy định này đều có quyền và nghĩa vụ tham gia các phong trào thi đua, đăng ký giao ước thi đua.

b) Các cơ quan, đơn vị đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Cờ thi đua phải tổ chức chia cụm, khối thi đua, ký kết giao ước thi đua, có xây dựng quy chế hoạt động; khi kết thúc năm, tổ chức chấm điểm, bình xét, xếp hạng thi đua và suy tôn, đề nghị khen thưởng.

c) Các danh hiệu thi đua cấp tỉnh trở lên phải được đăng ký từ đầu năm và gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ) trước ngày 30 tháng 3 hằng năm; đối với ngành Giáo dục và Đào tạo gửi trước ngày 30 tháng 11 hằng năm.

## 2. Nguyên tắc khen thưởng

a) Khen thưởng thành tích công tác năm (*thi đua thường xuyên*) chỉ áp dụng đối với các đơn vị được Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao kế hoạch hằng năm và các cá nhân trong đơn vị đó. Các đơn vị trên địa bàn trực thuộc các Bộ, ngành Trung ương, thì do Bộ, ngành Trung ương công nhận danh hiệu thi đua và quyết định khen thưởng hằng năm;

Chỉ lấy kết quả khen thưởng thành tích công tác năm để làm căn cứ xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng. Kết quả khen thưởng phong trào thi đua theo đợt, khen đột xuất được ghi nhận và ưu tiên khi xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

Đối với Bằng khen của Tỉnh ủy được làm căn cứ xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

b) Khen thưởng thành tích theo đợt, chuyên đề (*thi đua theo đợt, theo chuyên đề*), khen thưởng công hiến, không nhất thiết phải theo trình tự từ mức khen thấp đến mức khen cao; khen thưởng thành tích công tác hàng năm nhất thiết phải từ mức khen thưởng thấp đến mức khen thưởng cao. Thành tích khen thưởng phải rõ ràng, cụ thể, đạt được ở mức độ nào thì khen thưởng ở mức độ đó;

Trong một năm không đề nghị xét, tặng 02 hình thức khen thưởng cấp Nhà nước cho một tập thể hoặc một cá nhân (trừ thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất; khen thưởng quá trình công hiến);

Một hình thức khen thưởng có thể tặng nhiều lần cho một đối tượng nhưng không quá hai Bằng khen chuyên đề của Chủ tịch UBND tỉnh trong một năm (trừ khen thưởng đột xuất) đối với tập thể, cá nhân. Không tặng nhiều hình thức khen thưởng cho một thành tích đạt được.

c) Chú trọng khen thưởng cá nhân trực tiếp lao động sản xuất; đơn vị cơ sở; các thành phần kinh tế ngoài nhà nước; khen thưởng gương người tốt việc tốt, hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản; cá nhân công tác ở các lĩnh vực

khó khăn, độc hại, nguy hiểm; tập thể, cá nhân từ yếu kém vươn lên. Kết hợp khen thưởng động viên về tinh thần và vật chất.

d) Khen thưởng đối với cá nhân mà Luật thi đua, khen thưởng quy định “hoàn thành nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” là căn cứ vào kết quả đánh giá cán bộ, công chức, viên chức theo Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức hiện hành; đối với tập thể có tổ chức Đảng trong năm hoặc trong giai đoạn trình khen thì tổ chức Đảng đó phải được đánh giá từ mức “hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên. Đối với cá nhân không thuộc đối tượng áp dụng Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức thì thủ trưởng cơ quan, đơn vị thống nhất xem xét, đề nghị khen thưởng;

Không đề nghị cấp trên khen thưởng tập thể, cá nhân đang trong thời gian cơ quan có thẩm quyền đang xem xét thi hành kỷ luật hoặc đang điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo đang được xác minh làm rõ.

đ) Việc xét các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng: Cờ thi đua của Chính phủ, Chiến sĩ thi đua toàn quốc, Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh; các danh hiệu vinh dự Nhà nước: Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động, Nhà giáo nhân dân, Nhà giáo ưu tú, Thầy thuốc nhân dân, Thầy thuốc ưu tú, Nghệ sĩ nhân dân, Nghệ sĩ ưu tú, Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú; Huân chương các loại và Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ phải thông qua Hội đồng Thi đua, Khen thưởng tỉnh bằng hình thức bỏ phiếu kín.

e) Nguyên tắc tính số lượng tập thể, cá nhân: số lẻ 0,5 trở lên làm tròn thành 01.

## **Chương II**

### **TỔ CHỨC THI ĐUA, DANH HIỆU THI ĐUA VÀ HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG**

#### **Điều 4. Trách nhiệm tổ chức thi đua và công tác khen thưởng**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phát động, chỉ đạo phong trào thi đua và công tác khen thưởng trong toàn tỉnh;

Hội đồng Thi đua, Khen thưởng tỉnh là cơ quan tư vấn, giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện công tác thi đua, khen thưởng; Ban Thi đua - Khen thưởng là cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua, Khen thưởng tỉnh có nhiệm vụ tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức và hướng dẫn tổ chức tốt phong trào thi đua và thực hiện chính sách khen thưởng.

2. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm chỉ đạo các phong trào thi đua và công tác khen thưởng trong phạm vi

ngành, địa phương, đơn vị mình; phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp cùng cấp để tổ chức phong trào thi đua, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu nhiệm vụ chính trị của ngành, địa phương và của tỉnh.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể các cấp trong tỉnh, trong phạm vi chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ của mình, giám sát việc thực hiện quy định về thi đua, khen thưởng và kiến nghị sửa đổi, bổ sung quy định thực hiện công tác thi đua, khen thưởng. Phối hợp với cơ quan nhà nước phát động, hưởng ứng và tuyên truyền vận động nhân dân tham gia thực hiện tốt nội dung thi đua do tỉnh, Trung ương phát động.

4. Các cơ quan thông tin tuyên truyền của tỉnh, của Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh thường xuyên theo dõi, tuyên truyền, cổ động phong trào thi đua và nêu gương điển hình tiên tiến, gương người tốt việc tốt, đồng thời phê phán các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

### **Điều 5. Danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến**

1. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu "Tập thể Lao động tiên tiến" thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật thi đua, khen thưởng năm 2003.

2. Đối tượng được xét tặng danh hiệu "Tập thể Lao động tiên tiến":

a) Cấp tỉnh, gồm: Các phòng, ban và tương đương thuộc sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tỉnh;

b) Cấp huyện, gồm: Các phòng, ban, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và tương đương; các đơn vị trực thuộc cấp huyện và Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn;

c) Đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh, gồm: Các khoa, phòng và tương đương.

d) Đơn vị doanh nghiệp thuộc tỉnh gồm: Phòng, ban, xí nghiệp, phân xưởng.

### **Điều 6. Danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc**

1. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu "Tập thể Lao động xuất sắc" thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật thi đua, khen thưởng năm 2003.

2. Đối tượng được xét tặng danh hiệu "Tập thể Lao động xuất sắc" được lựa chọn trong số các đơn vị đạt Danh hiệu "Tập thể Lao động tiên tiến" tại Điều 5 của Quy định này.

3. Tỷ lệ xét tặng danh hiệu:

a) Cơ quan hành chính: Không quá 20% trong tổng số phòng, ban, đơn vị trực thuộc đạt danh hiệu tập thể Lao động tiên tiến;

b) Đơn vị sự nghiệp: Không quá 15% trong tổng số đơn vị trực thuộc đạt danh hiệu tập thể Lao động tiên tiến;

c) Doanh nghiệp: Không quá 10% trong tổng số đơn vị trực thuộc đạt danh hiệu tập thể Lao động tiên tiến.

### **Điều 7. Danh hiệu Cờ thi đua**

1. Các khối thi đua sở, ban, ngành của tỉnh

- a) Khối các cơ quan Đảng: 01 cờ;
- b) Khối đoàn thể chính trị: 01 cờ;
- c) Khối Kinh tế chuyên ngành: 01 cờ;
- d) Khối các cơ quan tham mưu tổng hợp: 01 cờ;
- đ) Khối Văn hóa, xã hội: 01 cờ;
- e) Khối Nội chính: 01 cờ.

2. Khối thi đua của các sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh hoặc các đơn vị trung ương đóng trên địa bàn, có từ 05 đơn vị trực thuộc trở lên (có tư cách pháp nhân): 01 cờ/khối.

3. Khối thi đua cấp huyện (thị xã, thành phố) thuộc tỉnh: 01 cờ.

4. Khối thi đua cấp xã (phường, thị trấn): 01 cờ/huyện.

5. Các khối thi đua các đơn vị ngành Giáo dục và Đào tạo

- a) Khối thi đua các Trường Chuyên nghiệp và dạy nghề: 01 cờ;
- b) Khối thi đua các Trường trung học phổ thông: 01 cờ;
- c) Khối thi đua các Trường Trung học cơ sở: 01 cờ/huyện;
- d) Khối thi đua các Trường Tiểu học: 01 cờ/huyện;
- đ) Khối thi đua các Trường Mầm non: 01 cờ/huyện.

6. Các khối thi đua các đơn vị ngành Y tế

a) Khối thi đua các Bệnh viện tuyến tỉnh; các Trung tâm tuyến tỉnh và Chi cục: 01 cờ;

b) Khối thi đua các Trung tâm Y tế tuyến huyện: 01 cờ.

7. Phong trào thi đua quyết thắng của lực lượng vũ trang (đối với Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh)

- a) Khối huyện, thị xã, thành phố: 01 cờ;
- b) Khối xã, phường, thị trấn: 01 cờ;
- c) Khối đơn vị tự vệ cơ quan, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh: 01 cờ.

8. Phong trào thi đua bảo vệ an ninh Tổ quốc (đối với Công an tỉnh)

- a) Khối huyện, thị xã, thành phố: 01 cờ;
- b) Khối xã, phường, thị trấn: 01 cờ;

c) Khối đơn vị tự vệ cơ quan, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh: 01 cờ.

9. Phong trào xây dựng nông thôn mới của tỉnh (Văn phòng Ban chỉ đạo về xây dựng nông thôn mới): 01 cờ (Xã dẫn đầu).

10. Khối thi đua các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp: 01 cờ.

11. Đối với doanh nghiệp Ban Quản lý Khu công nghiệp tỉnh quản lý

a) Cụm thi đua các doanh nghiệp (dự án) trong các khu công nghiệp Tân Trường, Phúc Điền, Cẩm Điền - Lương Điền: 01 cờ;

b) Cụm thi đua các doanh nghiệp (dự án) trong các khu công nghiệp Đại An, Lai Cách, Việt Hòa: 01 cờ;

c) Cụm thi đua các doanh nghiệp (dự án) trong các khu công nghiệp Nam Sách, Lai Vu, Phú Thái, Cộng Hòa: 01 cờ.

12. Đối với các doanh nghiệp thành viên Hiệp hội, Hội doanh nghiệp của tỉnh; các huyện

a) Hiệp hội Doanh nghiệp vừa và nhỏ: 01 cờ;

b) Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh: 01 cờ;

c) Hội Doanh nghiệp trẻ: 01 cờ;

d) Huyện, thị xã, thành phố: 01 cờ/huyện.

13. Đối với các thành viên thuộc Liên minh Hợp tác xã tỉnh

a) Khối thi đua các hợp tác xã thuộc lĩnh vực nông nghiệp: 01 cờ;

b) Khối thi đua các hợp tác xã thuộc lĩnh vực phi nông nghiệp: 01 cờ.

14. Đối với hệ thống các Ngân hàng trên địa bàn tỉnh do Ngân hàng nhà nước tỉnh quản lý: 01 cờ.

### **Điều 8. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”**

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” được xét tặng cho cá nhân có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong số những cá nhân 03 năm liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và có một trong các điều kiện sau:

a) Được Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam cấp Bằng Lao động sáng tạo;

b) Là tác giả, đồng tác giả của sáng kiến, giải pháp đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong Hội thi sáng tạo kỹ thuật tỉnh;

c) Là tác giả, đồng tác giả của công trình, giải pháp đạt giải thưởng Khoa học và Công nghệ Côn Sơn;

d) Là tác giả hoặc đồng tác giả của các giải thưởng cấp Nhà nước;

đ) Là Chủ nhiệm, Thư ký của đề tài, giải pháp, sáng kiến cấp tỉnh được Hội đồng khoa học, Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh quyết định công nhận.

2. Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh" được xét tặng vào năm đạt danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" lần thứ ba.

### **Điều 9. Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở"**

1. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ.

2. Tỷ lệ cá nhân được công nhận danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" không quá 15% trong tổng số cá nhân đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến" hoặc danh hiệu "Chiến sĩ tiên tiến" và được thực hiện như sau:

a) Đối với các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh: Tính riêng 15% cho khối cơ quan Sở (gồm các phòng chuyên môn) và từng đơn vị trực thuộc cấp sở (các ban, chi cục, trung tâm và tương đương) có tư cách pháp nhân, có con dấu, có tài khoản riêng, nhưng tổng số của toàn đơn vị không quá 15%.

b) Đối với các huyện, thị xã, thành phố: Tính riêng 15% theo từng phòng, ban, trung tâm, trường, Ủy ban nhân dân cấp xã... nhưng tổng số không quá 15%.

### **Điều 10. Giấy khen**

Thực hiện theo quy định tại Điều 40 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ.

### **Điều 11. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh**

1. Khen thưởng đột xuất: Tập thể, cá nhân có thành tích mưu trí dũng cảm cứu người, cứu tài sản, gương người tốt, việc tốt; đạt các giải trong các hội thi, hội diễn Quốc tế; giải nhất, nhì, ba cấp Quốc gia;

Khen thưởng cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc tố cáo hành vi tham nhũng được thực hiện theo khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 21 Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tố cáo và Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-TTCTP ngày 16/3/2015 của Thanh tra Chính phủ, Bộ Nội vụ quy định khen thưởng cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc tố cáo hành vi tham nhũng.

2. Khen đối ngoại: Cá nhân, tổ chức ngoài tỉnh và nước ngoài có thành tích tham gia các hoạt động nhân đạo, từ thiện, đóng góp, ủng hộ các quỹ xã hội dưới hình thức tự nguyện; có nhiều công lao đóng góp xây dựng và phát triển tỉnh Hải Dương.

3. Khen thưởng theo chuyên đề: Tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc bộ, ngành, đoàn thể trung ương phát động thi đua thì các sở, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị thuộc tỉnh phải gửi văn bản phát động phong trào thi đua về Ủy ban nhân

dân tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng) ngay từ đầu năm hoặc từ khi phát động phong trào thi đua.

a) Số lượng đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét khen thưởng cho một chuyên đề hàng năm hoặc sơ kết: không quá 03 tập thể, 05 cá nhân; tổng kết giai đoạn 5 năm: không quá 05 tập thể, 10 cá nhân, giai đoạn 10 năm trở lên: không quá 10 tập thể, 15 cá nhân.

Riêng khen thưởng phong trào "Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc", phong trào "Vì An ninh Tổ quốc", phong trào "Thi đua Quyết thắng" của lực lượng vũ trang hàng năm, số lượng không quá 05 tập thể, 10 cá nhân.

b) Khen thưởng các tập thể, cá nhân thuộc các cơ quan, đơn vị trung ương đóng trên địa bàn tỉnh có nhiều thành tích đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng của tỉnh, hàng năm được xét đề nghị không quá 05 tập thể, 10 cá nhân.

4. Đối với khen thưởng theo quy định khác của Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Khen thưởng nhân dịp kỷ niệm năm tròn (năm có chữ số cuối cùng là số 0) ngày thành lập, ngày truyền thống, Ủy ban nhân dân tỉnh xét khen thưởng cho 01 tập thể được thành lập có tư cách pháp nhân (có con dấu, có tài khoản riêng), 03 cá nhân.

b) Khen thưởng nhân dịp Đại hội nhiệm kỳ 5 năm:

- Các tổ chức chính trị - xã hội thuộc Khối Mặt trận, đoàn thể, số lượng không quá 03 tập thể, 05 cá nhân;

- Các tổ chức xã hội - nghề nghiệp thuộc Khối các Tổ chức xã hội, số lượng không quá 01 tập thể, 03 cá nhân.

c) Đối với gia đình: Gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy định của địa phương, có đóng góp công sức, đất đai, tài sản cho địa phương, xã hội, giá trị từ 100 triệu đồng trở lên.

d) Khen thưởng một số trường hợp khác thực hiện theo chỉ đạo hoặc văn bản quy định của tỉnh hoặc của Trung ương.

5. Khen thưởng hoàn thành nhiệm vụ công tác năm:

a) Tiêu chuẩn: Căn cứ điểm c khoản 1 (cá nhân), điểm c khoản 2 (tập thể) Điều 39 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ.

b) Đối tượng:

- Các tập thể, cá nhân thuộc các sở, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị, doanh nghiệp thuộc tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác trong năm và đạt tiêu chuẩn theo quy định.

- Đơn vị xếp thứ 3 trong Khối thi đua do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập. Xã xếp thứ Nhì phong trào thi đua của Khối huyện, thành phố, thị xã.

### **Điều 12. Danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cấp Nhà nước**

Thực hiện theo quy định tại Luật thi đua, khen thưởng năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013; Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng.

## **Chương III HỘI ĐỒNG THI ĐUA, KHEN THƯỞNG; HỘI ĐỒNG KHOA HỌC, SÁNG KIẾN**

### **Điều 13. Hội đồng Thi đua, Khen thưởng sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh**

1. Hội đồng Thi đua, Khen thưởng sở, ban, ngành, đoàn thể, hội tỉnh, là cơ quan tham mưu, tư vấn cho thủ trưởng ban, ngành, đoàn thể, hội thuộc tỉnh về công tác thi đua, khen thưởng.

2. Cơ cấu của Hội đồng, gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Thủ trưởng sở, ban, ngành, đoàn thể, hội thuộc tỉnh;
- Từ 01 đến 02 Phó Chủ tịch Hội đồng: Là cấp phó thường trực của người đứng đầu, cơ quan, tổ chức và Chủ tịch công đoàn cùng cấp;
- Các thành viên Hội đồng: Là lãnh đạo một số phòng, ban, đơn vị trực thuộc; đại diện cho tổ chức đoàn thể cùng cấp do thủ trưởng sở, ban, ngành, đoàn thể, hội quyết định.

3. Hội đồng Thi đua, Khen thưởng cấp sở, ban, ngành, đoàn thể, hội thuộc tỉnh có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

a) Định kỳ đánh giá tình hình thực hiện phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước từng năm và trong từng giai đoạn của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

b) Đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chủ trương, chính sách về thi đua, khen thưởng của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

c) Tham mưu, tư vấn cho thủ trưởng sở, ban, ngành, đoàn thể, hội xét tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng của cơ quan, đơn vị hoặc trình cấp có thẩm quyền xét tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng.

4. Văn phòng (hoặc đơn vị tương đương) là cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua, Khen thưởng cấp sở, ban, ngành, đoàn thể, hội thuộc tỉnh.

### **Điều 14. Hội đồng Thi đua, Khen thưởng cấp huyện**

1. Hội đồng Thi đua, Khen thưởng huyện, thị xã, thành phố là cơ quan tham mưu, tư vấn giúp việc cho cấp ủy Đảng, chính quyền cấp huyện về công tác thi đua, khen thưởng.

2. Cơ cấu của Hội đồng, gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố.

b) Phó Chủ tịch Hội đồng, gồm: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố phụ trách lĩnh vực văn hóa - xã hội và Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện, thị xã, thành phố.

c) Các thành viên Hội đồng: Có 09 hoặc 11 thành viên là cấp trưởng các đoàn thể và phòng, ban có liên quan, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố quyết định; Trưởng Phòng Nội vụ là Ủy viên thường trực.

3. Hội đồng Thi đua, Khen thưởng huyện, thị xã, thành phố có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

a) Định kỳ đánh giá tình hình thực hiện phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và trong từng giai đoạn của địa phương.

b) Đôn đốc, kiểm tra và giám sát việc thực hiện các chủ trương, chính sách về thi đua, khen thưởng của địa phương.

c) Tham mưu, tư vấn cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã xem xét, quyết định tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

4. Phòng Nội vụ là cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua, Khen thưởng huyện, thị xã, thành phố.

### **Điều 15. Hội đồng Thi đua, Khen thưởng cấp xã**

1. Hội đồng Thi đua, Khen thưởng cấp xã là cơ quan tham mưu, tư vấn giúp việc cho Đảng ủy, chính quyền cấp xã về công tác thi đua, khen thưởng.

2. Cơ cấu của Hội đồng gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng: là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng, gồm: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, phụ trách lĩnh vực văn hóa - xã hội và Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã.

c) Các thành viên Hội đồng: Có 09 hoặc 11 thành viên là cấp trưởng các đoàn thể và phòng, ban có liên quan, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định; công chức Văn phòng - Thống kê là Ủy viên thường trực.

3. Hội đồng Thi đua, Khen thưởng cấp xã có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

a) Định kỳ đánh giá tình hình thực hiện phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và trong từng giai đoạn của địa phương.

b) Đôn đốc, kiểm tra và giám sát việc thực hiện các chủ trương, chính sách về thi đua, khen thưởng của địa phương.

c) Tham mưu, tư vấn cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

4. Văn phòng - Thống kê cấp xã là cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua, Khen thưởng cấp xã.

### **Điều 16. Hội đồng khoa học, Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở**

1. Hội đồng khoa học, Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở do thủ trưởng cơ quan, đơn vị có thẩm quyền công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” quyết định thành lập, thành phần của Hội đồng gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng: Là thủ trưởng cơ quan, đơn vị.

b) Phó Chủ tịch Hội đồng: Là các phó thủ trưởng cơ quan, đơn vị.

c) Ủy viên Hội đồng: Là đại diện lãnh đạo một số phòng, ban và các thành viên có trình độ chuyên môn về lĩnh vực liên quan đến nội dung sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học do thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định.

2. Hội đồng Khoa học, Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở có nhiệm vụ xem xét, thẩm định, đánh giá, công nhận bằng văn bản các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, giải pháp công tác hoặc áp dụng công nghệ mới có hiệu quả, phạm vi ảnh hưởng trong cơ quan, đơn vị. Kết quả công nhận của Hội đồng khoa học, sáng kiến cấp cơ sở là một trong các căn cứ để xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

3. Văn phòng (hoặc đơn vị có chức năng tương đương) là cơ quan có trách nhiệm tham mưu cho Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định thành lập Hội đồng Khoa học, Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở, ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng và tập hợp, đề xuất Hội đồng thẩm định, công nhận các sáng kiến.

## **Chương IV**

### **TRÁCH NHIỆM XÉT DUYỆT HỒ SƠ VÀ TUYỂN TRÌNH KHEN THƯỞNG**

#### **Điều 17. Trách nhiệm xét duyệt hồ sơ khen thưởng**

1. Hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước do Ban Thi đua - Khen thưởng thẩm định thành tích, đề xuất Giám đốc Sở Nội vụ báo cáo Hội đồng Thi đua, Khen thưởng tỉnh xét, trình Thường trực, Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho ý

kiến trước khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ và Chủ tịch nước xem xét, quyết định.

2. Hồ sơ đề nghị khen thưởng thuộc thẩm quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh do Ban Thi đua - Khen thưởng thẩm định thành tích, báo cáo Giám đốc Sở Nội vụ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

3. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp nhận Tờ trình của Giám đốc Sở Nội vụ, thẩm tra và báo cáo, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Hội đồng Thi đua, Khen thưởng các sở, ngành, địa phương, đơn vị có trách nhiệm xét duyệt hồ sơ khen thưởng báo cáo thủ trưởng cơ quan, đơn vị lập tờ trình, kèm theo hồ sơ đề nghị khen thưởng gửi về Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ để thẩm định theo quy định.

5. Khi trình khen thưởng các tổ chức, cá nhân phải đồng thời gửi các file điện tử của hồ sơ đến Ban Thi đua - Khen thưởng thuộc Sở Nội vụ, trừ văn bản có nội dung thuộc bí mật nhà nước.

### **Điều 18. Quy định về tuyển trình**

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ.

2. Các tổ chức, cá nhân không thuộc phạm vi quản lý trực tiếp của ngành, của địa phương mà có thành tích hoặc có nhiều đóng góp cho ngành, cho địa phương thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân các địa phương, thủ trưởng các ngành; Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể khen thưởng hoặc đề nghị khen thưởng.

3. Các cơ quan, đơn vị được Ủy ban nhân dân tỉnh giao chủ trì phát động thi đua theo chuyên đề thì chủ trì phối hợp với Ban Thi đua - Khen thưởng hướng dẫn về tiêu chuẩn và đối tượng khen thưởng. Đối tượng được khen thưởng theo chuyên đề phải được xét chọn trong số tập thể, cá nhân có thành tích thật sự tiêu biểu và được trưởng Ban chỉ đạo hoặc Ban tổ chức thực hiện chuyên đề đó đồng ý.

4. Tập thể, cá nhân có hành động dũng cảm, cứu người, cứu tài sản, truy bắt tội phạm; thành tích được lập trong phạm vi địa phương, đơn vị nào thì địa phương, đơn vị đó có trách nhiệm khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng (không phân biệt người đó trong hay ngoài địa phương, đơn vị).

5. Trường hợp khen thưởng theo chuyên đề của các Hội Xã hội nghề nghiệp, do Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh; Liên minh Hợp tác xã tỉnh; Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh; Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh xin ý kiến các cơ quan liên quan và đề nghị khen thưởng đối với các hội thành viên. Các hội khác có thể đề nghị trực tiếp nhưng phải có xác nhận đề nghị của thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh quản lý nhà nước về hoạt động của Hội đó.

6. Đối với doanh nghiệp đầu tư nước ngoài trong các khu công nghiệp, do Ban Quản lý các khu công nghiệp đề nghị khen thưởng; ngoài khu công nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư đề nghị khen thưởng. Việc khen thưởng đối với doanh nghiệp thuộc đối tượng kiểm toán phải có Báo cáo kết quả kiểm toán của cơ quan kiểm toán có thẩm quyền trong thời gian 05 năm trước thời điểm đề nghị khen thưởng. Đối với doanh nghiệp không thuộc đối tượng kiểm toán trong báo cáo thành tích phải nêu căn cứ không thuộc đối tượng kiểm toán.

7. Về hiệp y khen thưởng: thực hiện theo Điều 47 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm /2017 của Chính phủ. Việc lấy ý kiến xác nhận thành tích đề nghị khen thưởng, do cơ quan đề nghị khen thưởng thực hiện, trường hợp cần thiết do Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ thực hiện. Trong 05 ngày làm việc (Kể từ ngày nhận được văn bản), các cơ quan được xin ý kiến xác nhận thành tích phải có văn bản trả lời việc đồng ý, không đồng ý (nêu rõ lý do), để hoàn thiện thủ tục trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định khen thưởng.

8. Trường hợp các đơn vị thuộc ngành dọc Trung ương đề nghị khen thưởng cấp Bộ, cấp Nhà nước cần hiệp y thì Ban Thi đua - Khen thưởng thẩm định báo cáo Giám đốc Sở Nội vụ trình Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản cụ thể.

9. Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, cho ý kiến trước khi trình Thủ tướng Chính phủ đối với các hình thức khen thưởng từ Huân chương Lao động hạng Nhất trở lên.

### **Điều 19. Thời gian trình và trách nhiệm thụ lý giải quyết**

#### **1. Thời gian trình:**

a) Hồ sơ đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng hàng năm gửi về Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ từ ngày 25 tháng 12 đến ngày 31 tháng 01 năm sau; khen thưởng theo năm học của ngành Giáo dục và Đào tạo gửi trước ngày 31 tháng 7 hàng năm.

b) Trường hợp đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng tổng kết các chương trình mục tiêu (khen chuyên đề), gửi hồ sơ trước ngày trao thưởng ít nhất 15 ngày làm việc; trường hợp đề nghị khen thưởng đột xuất thì thời gian gửi hồ sơ chậm nhất sau 20 ngày kể từ ngày thành tích được xác lập.

#### **2. Trách nhiệm thụ lý giải quyết**

a) Ban Thi đua - Khen thưởng có trách nhiệm thụ lý, thẩm định hồ sơ báo cáo Giám đốc Sở Nội vụ lập tờ trình, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ phải thông báo, trả lại cho đơn vị đề nghị trong thời hạn 03 ngày làm việc.

b) Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp nhận Tờ trình của Giám đốc Sở Nội vụ, thẩm tra và đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định trong thời

hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì trả lại đơn vị trình trong thời hạn 03 ngày làm việc.

c) Ban Thi đua - Khen thưởng cấp hiện vật (Cờ thi đua, Bằng khen, Bằng công nhận Danh hiệu...) và tiền thưởng trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày có Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

## **Chương V**

### **QUỸ THI ĐUA KHEN THƯỞNG VÀ MỨC THƯỞNG**

#### **Điều 20. Nguồn và mức trích quỹ**

Thực hiện theo Điều 65 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ và Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24 tháng 5 năm 2011 của Bộ Tài chính.

#### **Điều 21. Quản lý quỹ thi đua, khen thưởng**

1. Quỹ thi đua, khen thưởng tỉnh được lập và ủy quyền cho Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch để bảo đảm thực hiện nhiệm vụ thi đua, khen thưởng của tỉnh theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Quỹ thi đua, khen thưởng của cấp huyện do cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua, Khen thưởng cấp huyện quản lý; Quỹ thi đua khen thưởng của các sở, ngành, đơn vị do Thủ trưởng cơ quan đơn vị quản lý; Quỹ thi đua, khen thưởng của cấp xã do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý; nguồn và tỷ lệ trích trên cơ sở dự toán kế hoạch chi trong năm. Việc thanh, quyết toán theo số chi thực tế và số dư cuối năm được chuyển cho năm sau.

2. Tiền thưởng kèm theo các quyết định khen thưởng của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước cho các tập thể, cá nhân thuộc tỉnh Hải Dương được chi từ Quỹ thi đua, khen thưởng tỉnh.

3. Trong cùng một thời điểm, cùng một thành tích, cùng một đối tượng khen thưởng nếu vừa đạt các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng khác nhau thì chỉ được nhận tiền thưởng hoặc vật phẩm lưu niệm kèm theo đối với mức thưởng cao nhất.

Trong cùng một thời điểm, một tập thể, hoặc cá nhân đạt nhiều danh hiệu, nhiều hình thức khen thưởng có tiêu chuẩn về thời gian cống hiến và thành tích đạt được khác nhau, thì được nhận tiền thưởng của tất cả các danh hiệu hoặc hình thức khen thưởng đó.

4. Cá nhân, tổ chức có thành tích tham gia các hoạt động nhân đạo, từ thiện, đóng góp ủng hộ các quỹ xã hội dưới hình thức tự nguyện; người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài, tập thể người nước ngoài có thành tích,

có đóng góp cho địa phương được khen thưởng nhưng không kèm theo tiền thưởng mà kèm theo tặng phẩm lưu niệm với giá trị tương ứng.

5. Khen thưởng các chương trình mục tiêu được trích từ nguồn kinh phí hoạt động riêng, trường hợp nguồn kinh phí chương trình mục tiêu không được trích thưởng thì chỉ thưởng từ quỹ thi đua, khen thưởng. Khen thưởng đối với các đơn vị tự hoạch toán thu, nguồn kinh phí trích từ quỹ thi đua của đơn vị đề nghị khen thưởng.

## **Điều 22. Khen thưởng khuyến khích**

Tập thể, cá nhân trong tỉnh đoạt giải trên các lĩnh vực: Văn hóa - Nghệ thuật; Thể dục thể thao; Giáo dục và Đào tạo; Khoa học và Công nghệ được hưởng mức tiền thưởng khuyến khích như sau:

### 1. Đoạt giải quốc tế mang tính toàn cầu

a) Giải Nhất hoặc Huy chương Vàng được tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và tiền thưởng bằng 30 lần mức lương tối thiểu chung;

b) Giải Nhì hoặc Huy chương Bạc được tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và tiền thưởng bằng 20 lần mức lương tối thiểu chung;

c) Giải Ba hoặc Huy chương Đồng được tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và tiền thưởng bằng 15 lần mức lương tối thiểu chung;

d) Giải Khuyến khích được tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và tiền thưởng bằng 10 lần mức lương tối thiểu chung.

### 2. Đoạt giải quốc tế khu vực Châu Á hoặc vô địch khu vực Châu Á, Châu Á - Thái Bình Dương:

a) Giải Nhất hoặc Huy chương Vàng được tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và tiền thưởng bằng 20 lần mức lương tối thiểu chung;

b) Giải Nhì hoặc Huy chương Bạc được tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và tiền thưởng bằng 15 lần mức lương tối thiểu chung;

c) Giải Ba hoặc Huy chương Đồng được tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và tiền thưởng bằng 10 lần mức lương tối thiểu chung;

d) Giải Khuyến khích được tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và tiền thưởng bằng 05 lần mức lương tối thiểu chung.

### 3. Đoạt giải quốc tế khu vực các nước Đông Nam Á (ASEAN):

a) Giải Nhất hoặc Huy chương Vàng được tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và tiền thưởng bằng 15 lần mức lương tối thiểu chung;

b) Giải Nhì hoặc Huy chương Bạc được tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và tiền thưởng bằng 10 lần mức lương tối thiểu chung;

c) Giải Ba hoặc Huy chương Đồng được tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và tiền thưởng bằng 05 lần mức lương tối thiểu chung;

d) Giải Khuyến khích được tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và tiền thưởng bằng 02 lần mức lương tối thiểu chung.

#### 4. Đoạt giải Quốc gia:

a) Giải Nhất hoặc Huy chương Vàng được tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và tiền thưởng bằng 10 lần mức lương tối thiểu chung đối với đồng đội; 05 lần đối với cá nhân. Đối với thể dục thể thao, vận động viên thi đấu đạt thành tích phá kỷ lục Quốc gia, được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen và tiền thưởng bằng 15 lần mức lương tối thiểu chung đối với đồng đội, 10 lần đối với cá nhân.

b) Giải Nhì hoặc Huy chương Bạc được tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và tiền thưởng bằng 07 lần mức lương tối thiểu chung đối với đồng đội; 03 lần đối với cá nhân;

c) Giải Ba hoặc Huy chương Đồng được tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và tiền thưởng bằng 05 lần mức lương tối thiểu chung đối với đồng đội; 02 lần đối với cá nhân;

d) Giải Khuyến khích được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thưởng tiền bằng 02 lần mức lương tối thiểu chung đối với đồng đội; 01 lần đối với cá nhân.

#### 5. Đoạt giải Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc, các giải vô địch trẻ quốc gia, Giải thể thao người khuyết tật:

a) Giải Nhất hoặc Huy chương Vàng được tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và tiền thưởng bằng 04 lần mức lương tối thiểu chung đối với đồng đội; 02 lần đối với cá nhân;

b) Giải Nhì hoặc Huy chương Bạc được tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và tiền thưởng bằng 03 lần mức lương tối thiểu chung đối với đồng đội; 01 lần đối với cá nhân;

c) Giải Ba hoặc Huy chương Đồng được tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và tiền thưởng bằng 2,0 lần mức lương tối thiểu chung đối với đồng đội; 0,5 lần đối với cá nhân.

#### 6. Một số quy định cụ thể:

a) Trong cùng một giải, cùng một cuộc thi nếu cá nhân đoạt được nhiều giải thưởng, hoặc nhiều huy chương, sẽ được nhận tiền thưởng của giải cao nhất cộng với một nửa tổng số tiền thưởng của tất cả các giải thưởng đoạt được, nhưng tổng số tiền thưởng không vượt quá hai lần tiền thưởng của giải cao nhất.

b) Đối với những môn thi đấu tập thể như bóng đá, bóng chuyền thì tiền thưởng của đội đoạt Huy chương bằng  $\frac{2}{3}$  số tiền thưởng khuyến khích quy định cho cá nhân đoạt Huy chương nhân với tổng số thành viên thi đấu trong đội mà

luật thi đấu môn đó quy định; Giải đấu đôi mức thưởng cho từng người bằng 2/3 mức thưởng so với cá nhân;

c) Vận động viên đoạt giải đồng đội tại các giải thi đấu Quốc tế được thưởng bằng 1/2 mức thưởng của giải cá nhân;

d) Huấn luyện viên, Giáo viên có công trực tiếp đào tạo, bồi dưỡng tập thể và cá nhân đoạt giải, được thưởng bằng 1/2 số tiền thưởng mà Vận động viên, hoặc học sinh được nhận nhưng tổng số tiền thưởng không vượt quá hai lần tiền thưởng giải cao nhất.

đ) Đối với các giải Quốc tế thuộc lĩnh vực thể dục thể thao, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ khen các giải tổ chức theo định kỳ, gồm: Thế vận hội Olympic; Đại hội thể thao Châu Á (ASIAD); Đại hội thể thao Đông Nam Á (SEA Games).

e) Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho các đơn vị xếp thứ Ba các Khối thi đua cấp tỉnh (Do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập) thì mức tiền thưởng bằng 50% mức tiền thưởng Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh.

g) Tiền thưởng đối với các giáo viên và học sinh Trường Trung học phổ thông chuyên Nguyễn Trãi đoạt giải cao thực hiện theo Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương.

h) Tiền thưởng kèm theo Bằng khen đối với các tập thể, cá nhân có thành tích đột xuất, gương người tốt, việc tốt, có hành động dũng cảm; học sinh thi đoạt giải cao từ giải Nhất cấp tỉnh trở lên và các tập thể, giáo viên có công bồi dưỡng học sinh đoạt giải, tùy theo thành tích đạt được và phạm vi tác dụng noi gương do Giám đốc Sở Nội vụ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định trong từng trường hợp cụ thể.

i) Mức tiền thưởng cho gia đình được quy định bằng mức tiền thưởng đối với tập thể.

## **Chương VI**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 23. Trách nhiệm thi hành**

1. Ban Thi đua - Khen thưởng tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập các Khối thi đua; kiện toàn Hội đồng Thi đua, Khen thưởng tỉnh và có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Quy định này.

2. Hội đồng Thi đua, Khen thưởng tỉnh kiểm tra và tham mưu cho Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn.

3. Sở Tài chính hướng dẫn việc lập Quỹ, quản lý và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng ở các cấp trong tỉnh.

4. Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng và Quy định này để ban hành Quy định thực hiện công tác thi đua, khen thưởng tại cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc các cơ quan, đơn vị phản ánh bằng văn bản về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ) để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. / . *unv*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Dương Thái**